

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/KDTM-ST.

Ngày: 15-6-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân

Ông Đàm Thanh Vũ

Ông Lâm Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST – KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2020/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TC

Địa chỉ trụ sở: Số A, phường B, Quận W, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông L - Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Lầu O, Tòa nhà S, số A, phường B, Quận W, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện tham gia tố tụng: Chị **Nguyễn T**, sinh năm 1996 (có mặt), theo văn bản ủy quyền số 137 ngày 19/4/2019.

Địa chỉ: Số V, đường số X, phường Y, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Anh **Dương Đ**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp ML, xã MB, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Chị **Phạm E**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: số P đường L, khu phố I, phường B, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: ấp ML, xã MB, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn T trình bày:*

Ngày 19/08/2016 Công ty TC ký hợp đồng tín dụng số 42/2016/HĐTD-MAFC với anh Dương Đ và chị Phạm E, thỏa thuận cụ thể như sau: Công ty TC cho anh Đ và chị E vay số tiền là: 712.000.000 đồng, mục đích vay: Vay tiêu dùng mua xe ô tô trả góp; Thời hạn cho vay: 60 tháng, thời hạn vay cũng được xem là thời hạn hợp đồng. Lịch thanh toán: thanh toán vốn gốc và lãi hàng tháng, trong 59 kỳ đầu thì mỗi tháng vốn gốc và lãi là 15.124.393 đồng, kỳ cuối là 15.124.368 đồng. Ngày thanh toán: Ngày 24 hàng tháng; Giải ngân số tiền vay: Số tiền vay sẽ được giải ngân sau khi hồ sơ vay đã được Công ty TC phê duyệt; đồng thời, khách hàng và bên bán đã hoàn tất thủ tục mua bán và đăng ký xe ô tô theo quy định; mua xong bảo hiểm cho tài sản bảo đảm và hoàn thành các điều kiện khác căn cứ trên thông báo phê duyệt khoản vay của Công ty TC. Số tiền vay sẽ được giải ngân bằng chuyển khoản vào tài khoản của bên bán. Ngày 24/08/2016 Công ty TC đã giải ngân khoản vay trên tại ngân hàng HSBC theo ủy nhiệm chi số EBS: VN HBAP GVN091016006, số tham chiếu HSBC: 9001DCNIDENU. Lãi suất cho vay là: 9,99%/năm (một năm là 360 ngày) áp dụng trong suốt thời gian cho vay. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn = 150% x (Lãi suất) x (Nợ gốc quá hạn) x (Số ngày trễ hạn/365). Thực hiện hợp đồng, anh Dương Đ và chị Phạm E đã trả cho Công ty TC được 46 lần với tổng số tiền là 437.986.438 đồng, trong đó: khoản nợ gốc là 219.351.115 đồng, tiền lãi là 218.635.323 đồng. Do anh Dương Đ và chị Phạm E vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 03/01/2018 và Công ty TC đã nhiều lần yêu cầu anh Đ và chị E trả nợ nhưng anh Đ và chị E vẫn không tiếp tục thanh toán nợ cho Công ty TC.

Đồng thời theo hợp đồng thế chấp tài sản số 42/2016/HĐTC-MAFC ngày 25/8/2016, anh Dương Đ và chị Phạm E đã dùng tài sản của mình để thế chấp vay vốn tại Công ty TC như sau: xe ô tô hiệu FORD, Loại xe: TRANSIT LUXURY (Ô tô khách); Màu xe: Ghi vàng; số khung: RL3MLTGMCGKR43934; Số máy: G4P12487DURATORQ4D243H; Biển số: 51B-212.48, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 193561 do chị Phạm E đứng tên.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn chị Nguyễn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Dương Đ và chị Phạm E có trách nhiệm trả cho Công ty TC tính đến ngày 14/6/2020 với số tiền vốn gốc là 492.611.568 đồng, lãi trong hạn là 73.562.176 đồng và tiền quá hạn là 55.745.599 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 15/6/2020 cho đến khi chị E, anh Đ trả hết nợ vay. Trường hợp anh Đ, chị E không trả nợ cho Công ty TC thì yêu cầu xử lý, kê biên, phát mãi

tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định.

*** Tại phiên tòa bị đơn chị Phạm E trình bày:**

Chị thừa nhận vợ chồng chị còn nợ của Công ty TC số tiền nợ gốc là: 492.611.568 đồng và lãi phát sinh. Do điều kiện kinh tế quá khó khăn nên vợ chồng chị chưa có khả năng thanh toán cho công ty; Trước đây ngày 14/5/2019 chị cũng có liên hệ với công ty luật đại diện cho Công ty TC để giao tài sản thế chấp bán cho người thứ ba nhưng phía công ty không thống nhất cho chị bán tài sản thế chấp do số tiền bán tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Công ty TC. Cho nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm phần lãi cho chị từ lúc mà vợ chồng chị thống nhất giao xe cho công ty để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa hôm nay chị thừa nhận việc Công ty TC không cấp giấy thông hành xe cho vợ chồng chị khi vợ chồng chị vi phạm hợp đồng vay là đúng quy định, hiện tại vợ chồng chị không còn khả năng trả nợ cho Công ty TC. Vợ chồng chị đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu FORD, Loại xe: TRANSIT LUXURY (Ô tô khách); Màu xe: Ghi vàng; số khung: RL3MLTGMCGKR43934; Số máy: G4P12487DURATORQ4D243H; Biển số: 51B-212.48, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 193561 do chị đứng tên cho Công ty TC xử lý thu hồi nợ.

*** Bị đơn anh Dương Đ trình bày tại biên bản hòa giải ngày 05/5/2020 như sau:**

Anh thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của vợ anh là Phạm E. Anh không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn anh Đ không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Còn đối với địa chỉ bị đơn chị Phạm E đề nghị điều chỉnh lại theo đơn kiện. Kiến nghị không đề án quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo luật định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Công ty TC và anh Dương Đ, chị Phạm E là trên cơ sở tự nguyện, đều hợp pháp nhưng anh Đ, chị E đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay, không thực hiện trả nợ cho công ty theo như thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 324, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TC. Buộc anh Đ và chị E có nghĩa vụ trả cho công ty số tiền vốn gốc và tiền lãi còn thiếu tính đến ngày 14/6/2020 là: vốn gốc 492.611.568 đồng, tiền lãi tổng cộng là 129.307.775 đồng và lãi phát sinh từ ngày 15/6/2020 cho đến khi anh Đ, chị E thanh toán dứt nợ. Trường hợp, khi án có hiệu lực pháp luật công ty yêu cầu thi hành án mà anh Đ, chị E không trả vốn

gốc và lãi phát sinh thì công ty có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Dương Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Tại Tòa đại diện nguyên đơn, bị đơn chị E và kiểm sát viên yêu cầu tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ. Do đó HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Qua xem xét hợp đồng tín dụng 42/2016/HĐTD-MAFC ngày 19/8/2016 và uỷ nhiệm chi số EBS: VN HBAP GVN091016006, số tham chiếu HSBC: 9001DCNIDENU ngày 24/6/2018 tại ngân hàng TNHH MTV HSBC; lời trình bày của đại diện nguyên đơn, bị đơn, thể hiện anh Dương Đ và chị Phạm E có vay của Công ty TC số tiền 712.000.000 đồng. Thỏa thuận của hợp đồng như sau: Thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 24/8/2016 đến ngày 24/8/2021); mục đích vay: Vay tiêu dùng mua xe ô tô trả góp; Lịch thanh toán: thanh toán vốn gốc và lãi hàng tháng trong 59 kỳ đầu thì mỗi tháng trả vốn gốc và lãi là 15.124.393 đồng, kỳ cuối là 15.124.368 đồng. Ngày thanh toán: Ngày 24 hàng tháng; Lãi suất cho vay là: 9,99%/năm (một năm là 360 ngày) áp dụng trong suốt thời gian cho vay. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn = 150% x (Lãi suất) x (Nợ gốc quá hạn) x (Số ngày trễ hạn/365). Khi thực hiện hợp đồng, anh Đ, chị E đã trả cho Công ty TC được tổng số tiền là 437.986.438 đồng, trong đó: khoản nợ gốc là 219.351.115 đồng, tiền lãi là 218.635.323 đồng nhưng từ ngày 03/01/2018 khoản nợ của anh Đ và chị E đã chuyển nợ quá hạn do anh Đ và chị E không tiếp tục đóng trả nợ cho Công ty TC.

[3] Xét thấy, anh Dương Đ và chị Phạm E đã thụ hưởng quyền lợi là nhận số tiền vay 712.000.000 đồng, nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty TC theo như thỏa thuận về lịch thanh toán quy định tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do anh Đ và chị E đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 03/01/2018 cho đến nay, nên việc Công ty TC khởi kiện yêu cầu anh Đ và chị E thanh toán toàn bộ số tiền vốn gốc và tiền lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và quy định tại Điều 4 của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Số tiền anh Đ và chị E còn nợ Công ty TC tính đến ngày 14/6/2020 là: tiền vốn gốc là 492.611.568 đồng, tiền lãi trong hạn là 73.562.176 đồng và tiền quá hạn là 55.745.599 đồng.

[4] Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TC, anh Dương Đ và chị Phạm E đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 42/2016/HĐTC-MAFC ngày 25/8/2016, dùng tài sản của mình là: xe ô tô hiệu FORD, Loại xe: TRANSIT LUXURY (Ô tô khách); Màu xe: Ghi vàng; số khung:

RL3MLTGMCGKR43934; Số máy: G4P12487DURATORQ4D243H; Biển số: 51B-212.48, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 193561 do chị Phạm E đứng tên thế chấp cho Công ty TC để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TC. Xét thấy, hợp đồng thế chấp nêu trên phù hợp với quy định pháp luật và đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh, đúng quy định về giao dịch bảo đảm nên Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Trong Hợp đồng thế chấp có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Do đó, Công ty TC yêu cầu nếu như anh Đ, chị E không tự nguyện trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 324 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Xét ý kiến của bị đơn chị Phạm E: Tại phiên tòa chị yêu cầu được xem xét giảm lãi từ ngày chị đồng ý giao xe cho Công ty TC thanh lý tài sản mà Công ty TC không đồng ý thu hồi tài sản thế chấp để thu nợ cho chị lại để chị phát sinh lãi quá hạn quá nhiều. Tuy nhiên tại Điều 8 của Hợp đồng thế chấp số 42/2016/HĐTC-MAFC ngày 25/8/2016 mà hai bên đã ký kết quy định trường hợp xử lý tài sản thế chấp không bắt buộc Công ty TC phải thu hồi tài sản thế chấp khi bên thế chấp giao tài sản. Do đó, việc các bên không thỏa thuận được phương thức xử lý tài sản thế chấp thì Công ty TC cũng không vi phạm hợp đồng thế chấp mà hai bên đã ký kết. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn chị T không đồng ý giảm lãi cho anh Đ, chị E. Do đó, yêu cầu của chị E không có cơ sở để HĐXX xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: anh Dương Đ và chị Phạm E phải chịu là 28.876.773 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công ty TC không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận. Rút kinh nghiệm về việc đề án quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 324, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TC về việc yêu cầu anh Dương Đ và chị Phạm E trả nợ vay.

Buộc anh Dương Đ và chị Phạm E thanh toán cho Công ty TC tính đến ngày 14/6/2020 vốn gốc là 492.611.568 đồng và tiền lãi là 129.307.775 đồng, tổng cộng là 621.919.343 đồng (*Sáu trăm hai mươi một triệu, chín trăm mười chín ngàn, ba trăm bốn mươi ba đồng*).

Kể từ ngày 15/6/2020 cho đến khi anh Dương Đ và chị Phạm E thanh toán hết nợ cho Công ty TC, thì hàng tháng anh Đ, chị E còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 42/2016/HĐTD-MAFC ngày 19/8/2016.

[2] Trường hợp anh Dương Đ và chị Phạm E không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, Công ty TC được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể: xe ô tô hiệu FORD, Loại xe: TRANSIT LUXURY (Ô tô khách); Màu xe: Ghi vàng; số khung: RL3MLTGMCGR43934; Số máy: G4P12487DURATORQ4D243H; Biển số: 51B-212.48, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 193561 do chị Phạm E đứng tên, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 42/2016/HĐTC-MAFC ngày 25/08/2016.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Dương Đ và chị Phạm E phải chịu án phí là 28.876.773 đồng (*Hai mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi sáu ngàn, bảy trăm bảy mươi ba đồng*).

Công ty TC không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.300.000 đồng (*Mười ba triệu ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0002871, ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm (1);
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm (1);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Thị Vàng